TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Đoàn Thị Chuyền.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- *Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Phương D- sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở: Tổ 3, khu 2 phường T, Thị xã U, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Vũ Đình Đ- sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đình Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 21/4/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 08 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 12/2015, chị không chung sống cùng anh Đ nữa, chị thuê nhà trọ ở và vợ chồng sống ly thân đến cuối năm 2019 thì vợ chồng đoàn tụ và sinh cháu Vũ Hà M. Sau khi về chung sống vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn cãi vã nhau, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 10/2021 chị bỏ đi ra ngoài thuê nhà trọ ở được một tháng thì chị đưa cháu Hà M về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau khi chị về nhà đẻ ở, anh Đcó đến tìm chị và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đkhông còn, không thể hàn

gắn được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Vũ Đình Đức A, sinh ngày 27/9/2015 và cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/8/2020, hai cháu đang ở với anh Đ. Cháu Đức A có nguyện vọng ở với bố, chị đồng ý theo nguyện vọng của con. Ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi cháu Hà M, anh Đnuôi dưỡng cháu Đức A, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Khi chị bỏ đi chị đã đưa cháu M đi cùng với chị, khi chị bị ốm phải mổ nằm viện thì anh Đđến đón cháu M về, sau khi ra viện, chị bảo anh Đđưa cháu M về cho chị, khi anh Đđưa cháu M về cho chị, do anh Đkhông thông báo trước nên đúng vào ngày chị đến viện để thanh toán viện phí, bố mẹ cũng không có nhà, chị bảo anh Đchờ chị về nhưng anh Đkhông đợi đã đưa cháu M về ở cùng anh Đvà từ đó không cho chị đón con và thăm con. Chị đã nhiều lần yêu cầu anh Đgiao con cho chị nhưng anh Đkhông đồng ý. Vì cháu còn nhỏ chị không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của con nên chị để anh Đnuôi con, chờ khi Tòa án giải quyết ly hôn chị sẽ đề nghị nuôi cháu M. Chị đang làm công ty, thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng, ngoài ra chị còn làm thêm ở nhà hàng mỗi tháng 2 đến 3 triệu đồng, với mức thu nhập như vậy cũng đủ đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu M. Chị đang ở cùng với bố mẹ, điều kiện về nơi ở tại nhà ngoại cũng thuận tiện, đầy đủ tiện nghi, bố mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị mọi mặt để nuôi con. Cháu M còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc của mẹ, vì vậy, chị đề nghị được nuôi cháu Vũ Hà M. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Toà án, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Vũ Đình Đtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn đúng như chị D trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 01/2016 chị D đã bỏ đi thuê nhà trọ ở và vợ chồng sống ly thân đến cuối năm 2019 thì vợ chồng về đoàn tụ. Sau khi về chung sống được một thời gian thì vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn cãi vã nhau. Tháng 10/2021 chị D bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở, sau đó về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau khi chị D về nhà đẻ ở, anh có đến tìm vài lần nhưng chị D không về và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị D không còn, không thể hàn gắn được, chị D xin ly hôn anh Đý theo nguyện vọng của chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Đình Đức A, sinh ngày 27/9/2015 và cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/8/2020, hiện đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con. Anh không đồng ý cho chị D nuôi cháu Hà M. Anh đang làm công ty ở Phố Nối, Hưng Yên sáng đi tối về, thu nhập bình quân 15 triệu đồng/tháng, anh đang ở cùng với bố mẹ, nhà đất rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, bố mẹ anh còn khoẻ mạnh sẽ hỗ trợ cho anh trong việc chăm sóc các con. Nếu anh được nuôi cả hai con, anh tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh cam kết đảm bảo điều kiện tốt nhất trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai của ông Nguyễn Văn Th trình bày: Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Phương Dvà là ông ngoại của cháu Vũ Đình Đức A và cháu Vũ Hà M. Quá trình chung sống, anh Đ, chị D phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị D đã bỏ về nhà ông ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Ông đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị D. Anh chị có 02 con chung là cháu Đức A và cháu Hà M, chị D có nguyện vọng được nuôi cháu M. Đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của chị D. Trường hợp Toà án giao cháu M cho chị D nuôi dưỡng, ông sẵng sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị D chỗ ăn ở và việc chăm sóc con với điều kiện tốt nhất để cho chị D nuôi con. Về tài sản, nợ chung, công sức, anh chị không có công sức đóng góp gì với ông.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị C xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Vũ Đình Đvà là bà nội của cháu Vũ Đình Đức A và cháu Vũ Hà M. Trong thời gian chung sống anh Đ, chị D chị đã xảy ra mâu thuẫn. Tháng 10/2021 chị D bỏ nhà đi không quay về gia đình bà nữa và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh Đ, bà mong muốn Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Anh Đ, chị D có 02 con chung là cháu Vũ Đình Đức A và cháu Vũ Hà M, hai cháu đang ở với bố và vợ chồng bà. Nếu anh chị ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh Đnuôi dưỡng. Gia đình bà có nhà đất rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, ông bà và tạo điều kiện để giúp bố con anh Đviệc nuôi con. Về tài sản, nợ chung, công sức anh Đ, chị D không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã Thanh Tùng xác định: Anh Đ, chị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn La Xá, xã Thanh Tùng. Anh Đ, chị D có xảy ra mâu thuẫn nên chị D đã bỏ về nhà đẻ ở. Việc mâu thuẫn của anh Đ, chị D cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, do anh Đ, chị D không báo cáo nên chính quyền địa phương và các đoàn thể không biết để hoà giải. Nay, chị D xin ly hôn anh Đ, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh Đđồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị D. Về con chung: Chị D đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi dưỡng cháu Hà M, anh Đnuôi dưỡng cháu Đức A, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh Đkhông đồng ý với ý kiến của chị D, anh đề nghị được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Phương Dvà anh Vũ Đình Đồng.

Về con chung: Xử giao cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/8/2020 cho chị Nguyễn Thị Phương Dtrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Vũ Đình Đức A, sinh ngày 27/9/2015 cho anh Vũ Đình Đtiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị D, anh Đcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị D, anh Đ, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương Dphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương Dcó đơn khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Đình Đồng; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểu a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị Phương Dnộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Phương Dvà anh Vũ Đình Đkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 21/04/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Chị D, anh Đđều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 10/2021, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mỗi người ở một nơi không quan tâm đến nhau. Chị D và anh Đđều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Phương Dvà anh Vũ Đình Đđã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Phương Dvà anh Vũ Đình Đồng.

[3] *Về con chung*: Chị D, anh Đcó 02 con chung là cháu Vũ Đình Đức A, sinh ngày 27/9/2015 và cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/8/2020, các cháu hiện đang ở với anh Đ. Ly hôn chị D đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi dưỡng cháu Hà M, anh Đnuôi dưỡng cháu Đức A, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị D không đồng ý yêu cầu của anh Đđề nghị được nuôi cả hai con. Anh Đkhông đồng ý với yêu cầu của chị D được nuôi dưỡng cháu Hà M, anh đề nghị được nuôi cả 02 con, anh tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị D, anh Đthấy rằng: Đến ngày xét xử, cháu Vũ Hà M chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Chị D làm công ty lương thu nhập bình quân 7 triệu đồng/tháng chưa kể làm thêm, bố mẹ chị cam kết hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con, về nhà đất cũng đảm bảo điều kiện chị nuôi một con. Chị D và ông Thông bố đẻ chị D xác định: Khi chị đang nuôi cháu Hà Mthì chị phải đi viện mổ nên anh Đđưa con về ở với anh Đ, khi chị ra viện chị yêu cầu anh Đgiao con cho chị nuôi dưỡng nhưng anh Đkhông giao cháu Hà Mcho chị, là người mẹ không muốn làm ảnh hưởng tâm lý của con nên chị buộc để anh Đnuôi cháu M, đến khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Hà M, điều đó thể hiện ý thức tốt của chị D trong việc chăm sóc, giáo dục con. Bố mẹ chị D cam kết sẽ hỗ trợ chị với điều kiện tốt nhất trong việc nuôi con. Chị D không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Đối với anh Đ, anh làm công ty thu nhập bình quân 15 triệu đồng/tháng, bố mẹ anh cam kết hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các con, về nơi ăn ở anh có đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống để nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành. Xét nguyện vọng của cháu Vũ Đình Đức A cháu có nguyện vọng ở với bố, cháu Hà Mcòn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, Hội đồng xét xử: Giao cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/8/2020 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Vũ Đình Đức A, sinh ngày 27/9/2015 cho anh Đtrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Nguyễn Thị Phương Dvà anh Vũ Đình Đồng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Phương Dkhởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương Dvà anh Vũ Đình Đồng.

2- Về con chung: Xử giao cháu Vũ Hà M, sinh ngày 18/8/2020 cho chị Nguyễn Thị Phương Dtrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Vũ Đình Đức A, sinh ngày 27/9/2015 cho anh Vũ Đình Đtiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị D, anh Đcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Phương Dphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000974 ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị D đã nộp đủ án phí.

5- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Quang Khuyến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Đào Quang Khuyến